

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Bà Mai Thị Viện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:**
Bà Mai Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990; CCC 038090018788; hộ chiếu số C8264391, do Cục Q1 - Bộ C cấp; vắng mặt.

HKTT: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi sinh sống và làm việc hiện tại: Số B G - gil, Byeonsan-myeon, Buan-gun, J-do, Hàn Quốc.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994; CCC 038194043104; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 07/11/2024, nguyên đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Ngày 03/05/2013, trên tinh thần tự nguyện, chúng tôi là Hoàng Văn H và Nguyễn thị T đã đăng ký kết hôn, được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, chúng tôi cùng nhau sinh sống tại địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được khoảng 5 năm là bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp nhau, dần dần không còn tình cảm. Đến năm 2022 tôi sang lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu khi sang Hàn Quốc, chúng tôi vẫn thường xuyên gọi điện, quan tâm lẫn nhau, nhưng về sau chúng tôi ít liên lạc và lâu dần chúng tôi không còn liên lạc nữa, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình đã nhiều lần can thiệp. Tuy nhiên đến nay chúng tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, đời sống chung cũng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Để có thể sớm giải thoát cho nhau nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết .

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là cháu Hoàng Tú Q, sinh ngày 20/01/2016; cháu Hoàng B, sinh ngày 03/03/2018 và cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 22/02/2022. Hiện nay cả 3 cháu đang ở cùng ông bà nội (ông là Hoàng Hoa T1 và bà là Vũ Thị M, cùng ở địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa). Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng. Trong thời gian tôi ở Hàn Quốc, chưa về Việt Nam thì tôi tạm giao cho ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại Đơn khởi kiện bổ sung và B1 tự khai ngày 28/02/2025, anh Hoàng Văn H có ý kiến: Hiện nay 03 con chung đang ở cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị T, nếu ly hôn anh H có nguyện vọng giao cả 03 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 2.000.000đ/tháng/cháu.

* Tại Bản tự khai ngày 16/5/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị T có ý kiến như sau: Chị T và anh Hoàng Văn H đã kết hôn vào ngày 03/05/2013 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã có những bất đồng quan điểm trong hôn nhân nên không còn tiếng nói chung. Đến năm 2022 anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và từ đó không có sự quan tâm đến gia đình và con cái. Nay anh H làm đơn xin ly hôn, tôi thống nhất ly hôn với anh H.

Tôi vào anh H có 03 con chung là cháu Hoàng Tú Q, sinh ngày 20/01/2016; cháu Hoàng B, sinh ngày 03/03/2018 và cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 22/02/2022. Tôi là người nuôi dưỡng chăm sóc con chung từ khi sinh ra đến nay. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi 03 con chung. Yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/tháng/cháu, kể từ thời điểm đi xuất khẩu lao động là tháng 9/2022 đến khi xét xử sơ thẩm và

2.000.000đ/tháng/cháu kể từ sau khi xét xử đến khi 03 con tròn 18 tuổi, vì từ khi anh H đi xuất khẩu lao động đến nay không gửi tiền để nuôi các con. Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 273, 471 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Hoàng Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết . Giao cháu Hoàng Tú Q (sinh ngày 20/01/2016), cháu Hoàng B (sinh ngày 03/3/2018) và cháu Hoàng Duy K (sinh ngày 22/02/2022) cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 2.000.000đ/cháu/tháng kể từ tháng 9/2022 đến khi 03 con tròn 18 tuổi. Đề nghị không xem xét về tài sản và công nợ. Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn H, hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn H và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/5/2013. Vì vậy, hôn nhân giữa anh H và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H sống chung hạnh phúc được khoảng 5 năm là bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp nhau, dần dần không còn tình cảm. Đến năm 2022 anh H đi lao động tại Hàn Quốc và cũng từ đó vợ chồng ít liên lạc với nhau và sau đó không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H đối với chị Nguyễn Thị T quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giao 03 con chung Hoàng Tú Q, sinh ngày 20/01/2016, cháu Hoàng B, sinh ngày 03/3/2018 và cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 22/02/2022 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của anh H chị T và các cháu.

Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung đối với 03 con chung 2.500.000đ/tháng/cháu kết từ khi anh H đi lao ộng tại Hàn Quốc cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm và 2.000.000đ/tháng/cháu kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm đến khi 03 cháu tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng anh H không cung cấp được chứng cứ chứng minh từ tháng 9/2022 đến nay có gửi tiền để chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung hay không. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/cháu/tháng, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi 03 con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản và công nợ: anh H và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 273, 471 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết .

- Về con chung: Giao 03 con chung của anh H và chị T là Hoàng Tú Q sinh ngày 20/01/2016, Hoàng B sinh ngày 03/3/2018 và Hoàng Duy K sinh ngày 22/02/2022 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. anh H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/cháu, kết từ tháng 9/2022 cho đến khi 03 con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000^d anh đã

nộp theo biên lai thu số 0000612 ngày 26/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh H còn phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hiệu